

CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 373/2025/CV/TTCBH
V/v: Công bố thông tin về tình hình tài chính

Tây Ninh, ngày 27 tháng 09 năm 2025

Kính gửi: - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
- NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế. Công Ty Cổ Phần Thành Thành Công - Biên Hòa gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Công Ty Cổ Phần Thành Thành Công - Biên Hòa
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3900244389
- Ngày cấp lần đầu: 15/07/1995 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh
- Địa chỉ trụ sở chính: Xã Tân Phú, tỉnh Tây Ninh
- Số điện thoại: 02763757250 Số fax giao dịch: 02763839834
- Địa chỉ thư điện tử:
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty đại chúng
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất đường
- Mã số thuế: 3900244389

2. Tình hình tài chính:

- Kỳ báo cáo: năm niên độ 2024-2025 (từ ngày 01/07/2024 đến hết ngày 30/06/2025)
- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo (trường hợp doanh nghiệp hành là công ty mẹ, các chỉ tiêu tài chính sử dụng số liệu theo báo cáo tài chính hợp nhất, đồng ghi rõ nguồn báo cáo):

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo (từ ngày 01/07/2024 – ngày 30/06/2025)	Kỳ trước (từ ngày 01/07/2023 – ngày 30/06/2024)
1. Vốn chủ sở hữu (đồng)	10.850.789.560.797	11.144.033.640.480
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	8.361.563.710.000	7.621.123.260.000
- Các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế	67.054.931.893	67.054.931.893
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.046.883.789.037	1.133.016.463.101
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
- Chênh lệch tỷ giá	-55.586.851.363	108.670.122.767
2. Tổng số nợ phải trả (đồng)	21.828.307.600.392	22.934.260.528.308

- Nợ vay ngân hàng	14.266.658.348.216	14.613.405.021.530
- Nợ vay từ phát hành trái phiếu	2.389.584.040.591	1.183.993.674.894
+ Trái phiếu chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước	0	0
+ Trái phiếu chào bán ra riêng lẻ tại thị trường trong nước	2.389.584.040.591	1.183.993.674.894
+ Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế	0	0
- Nợ phải trả khác	5.172.065.211.585	7.136.861.831.884
+ Phải trả người bán ngắn hạn	1.375.567.204.302	1.435.281.292.493
+ Người mua trả tiền trước ngắn hạn	573.475.550.855	1.282.452.319.065
+ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	231.637.979.126	206.353.523.486
+ Phải trả người lao động	23.631.975.111	68.787.503.207
+ Chi phí phải trả ngắn hạn	471.873.767.633	476.791.656.974
+ Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	142.189.068	947.202.639
+ Phải trả ngắn hạn khác	1.984.156.300.529	3.125.263.069.110
+ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (không gồm nợ vay ngân hàng và phát hành trái phiếu)	49.071.752.746	56.348.318.264
+ Dự phòng phải trả ngắn hạn	80.661.588	135.555.903
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.903.730.750	25.964.181.396
+ Người mua trả tiền trước dài hạn	0	0
+ Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	5.223.173	5.375.641.469
+ Phải trả dài hạn khác	38.562.173.466	39.692.962.112
+ Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (không gồm nợ vay ngân hàng và phát hành trái phiếu)	207.696.243.031	147.418.593.610
+ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	178.234.793.524	246.798.696.614
+ Dự phòng phải trả dài hạn	24.025.666.683	19.251.315.542

3. Cơ cấu vốn (lần):		
- Hệ số nợ phải trả/ Tổng tài sản	0,67	0,67
- Hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	2,01	2,06
4. Khả năng thanh toán (lần):		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn)	1,29	1,22
- Hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/ nợ ngắn hạn)	1,06	1,02
- Hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay)	1,62	1,53
5. Dư nợ trái phiếu đã phát hành/ vốn chủ sở hữu (lần):		
- Hệ số tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp/ vốn chủ sở hữu	0,22	0,11
- Hệ số dư nợ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ/ vốn chủ sở hữu	0,22	0,11
6. Lợi nhuận (đồng):		
- Lợi nhuận trước thuế	950.068.774.780	907.864.251.114
- Lợi nhuận sau thuế trong năm tài chính	834.487.609.124	805.808.890.332
- Lỗ lũy kế (nếu có)	0	0
7. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%):		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	2,55	2,36
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	7,69	7,23
8. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành (doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán...) (nếu có)	Không áp dụng	Không áp dụng

3. Ý kiến của kiểm toán đối với báo cáo tài chính 06 tháng đã được soát xét/báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện:

- Tổ chức kiểm toán: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam
- Ý kiến của kiểm toán viên: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)



Nguyễn Thị Thanh Na
Chuyên viên nghiệp vụ Ngân hàng

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT HOẶC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HOẶC NGƯỜI
ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



ĐẶNG HUỲNH ÚC MY
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tài liệu kèm theo theo quy định tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP